

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 78,000 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -4.9% | 11.5% | 5.8% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 60,416 - 86,632 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 1,213 |
| Số lượng CPLH (CP) | 15,552,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 105 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.5% |
| Beta | 1.22 |
| EPS | 4,943 |
| P/E | 15.8 |

DT thuần

Q1/24

177

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.0| -5.6%

YoY: ▲ 2.00| 1.4%

LN trước thuế

Q1/24

15.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.60| -26.4%

YoY: ▼7.40| -32.2%

LN sau thuế

Q1/24

13.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.80| -25.6%

YoY: ▼6.70| -32.5%

ROA

2023

22.9%

+/- YoY: ▼ 7.4%

DT thuần

2023

741

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0| 2.5%

LN trước thuế

2023

93.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.2| -9.8%

LN sau thuế

2023

83.1

tỷ VNĐ

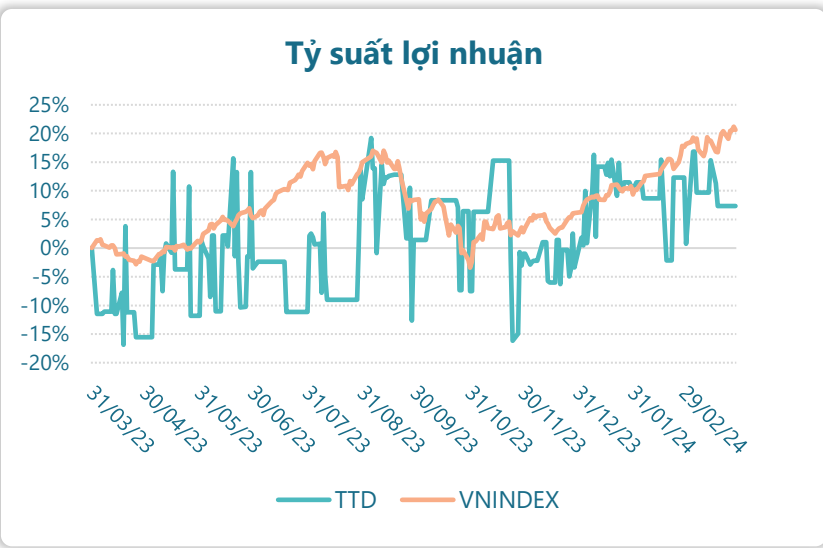
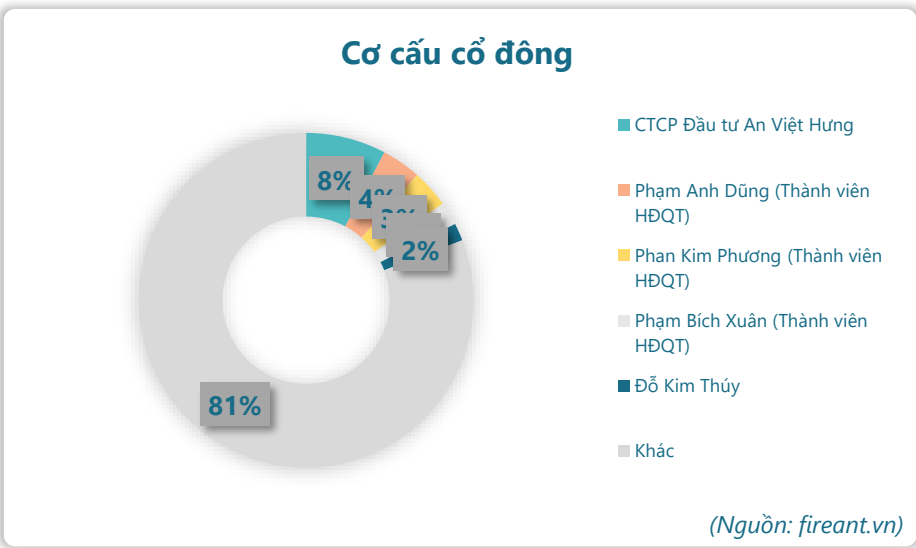
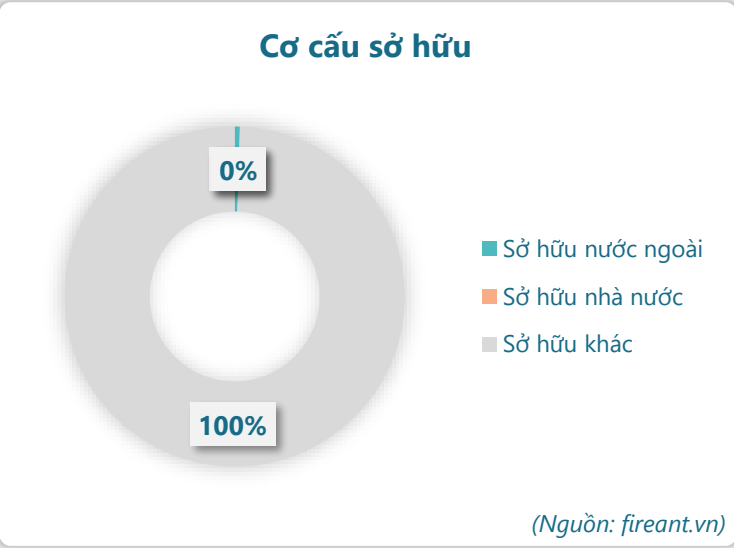
YoY: ▼9.10| -9.9%

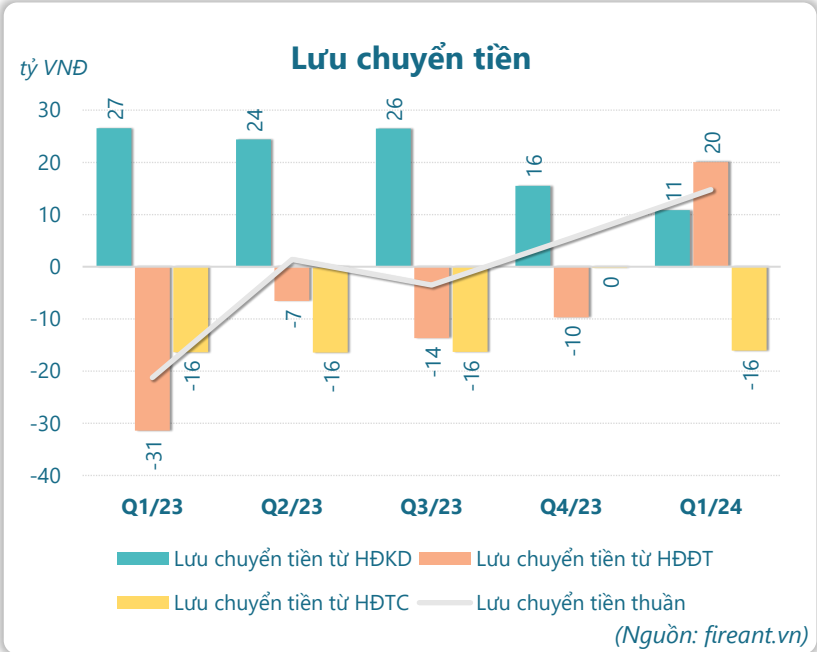
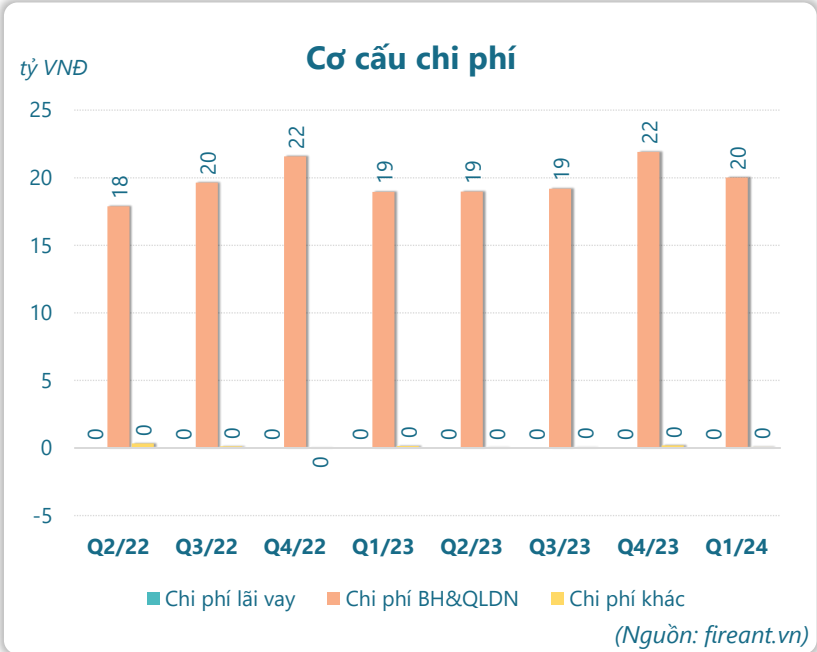
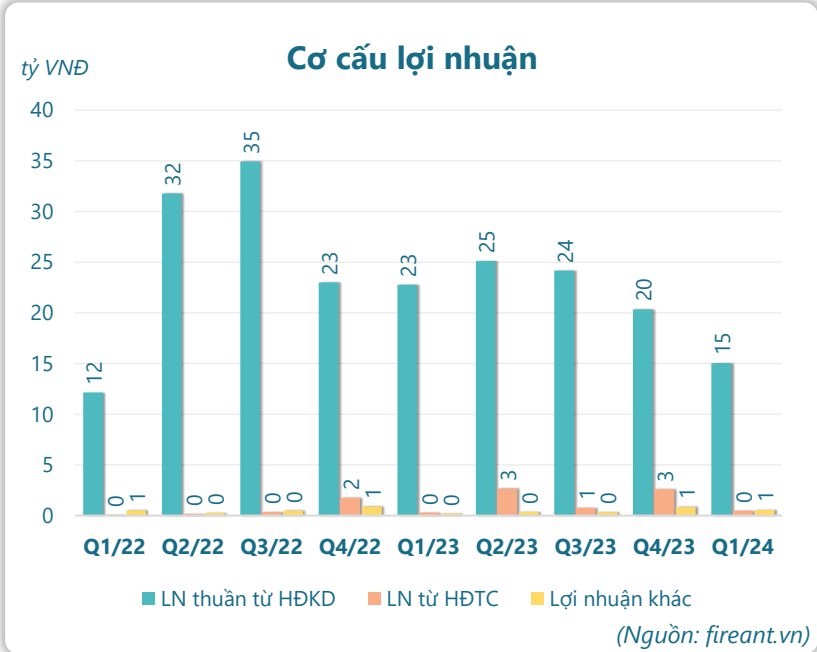
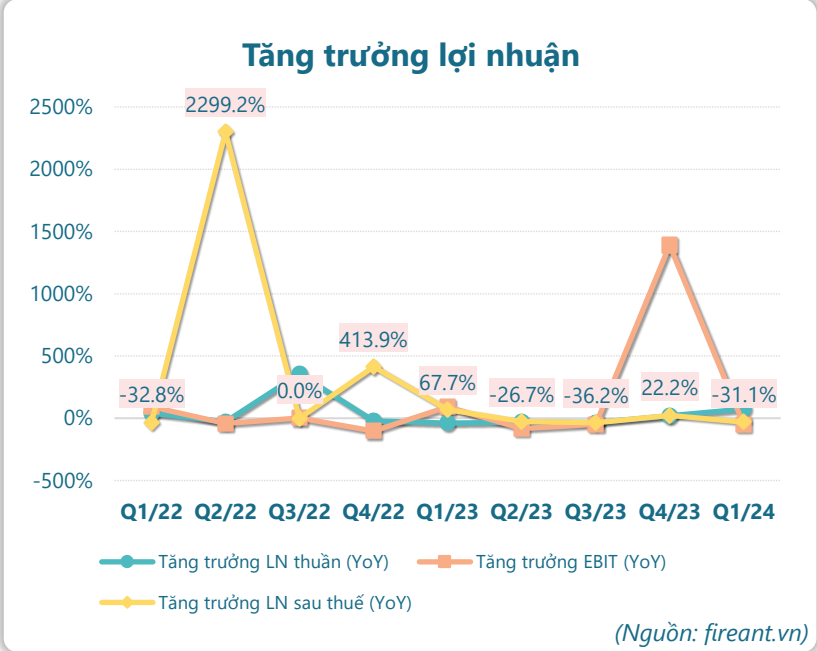
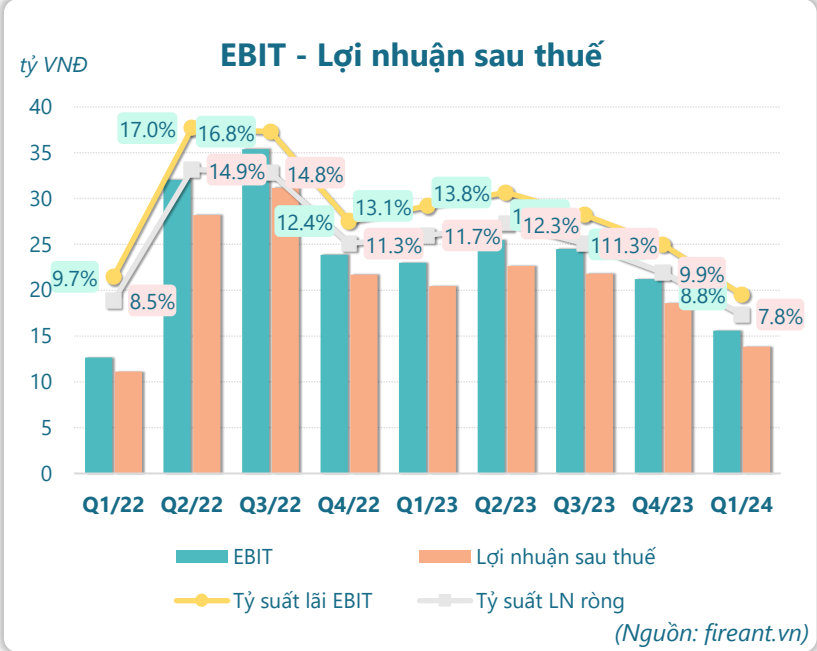
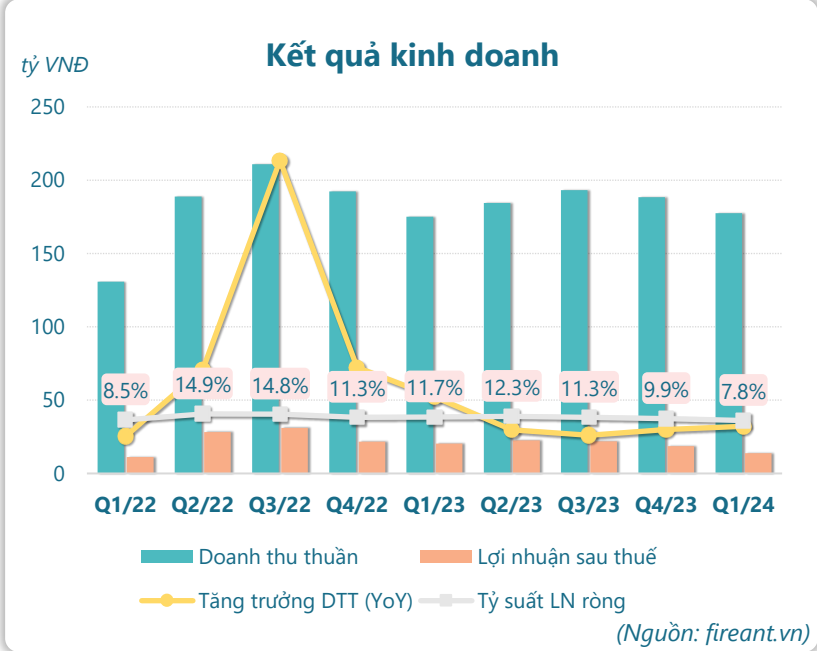
ROE

2023

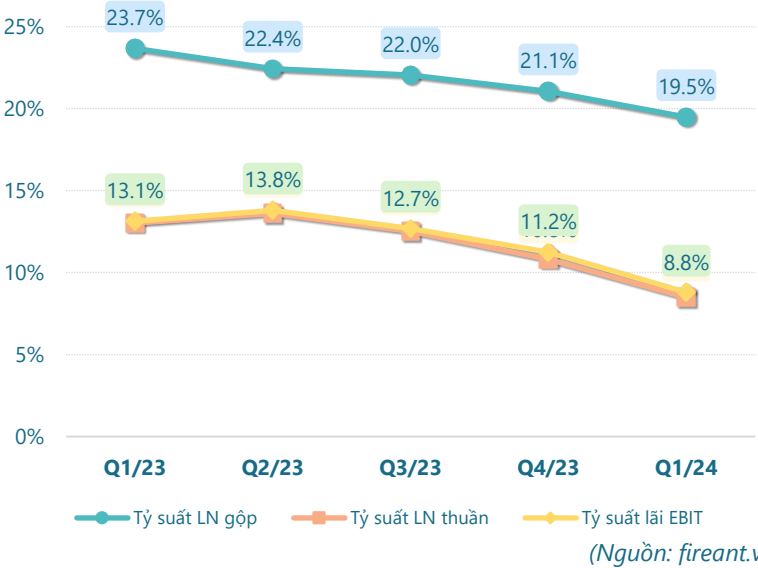
28.8%

+/- YoY: ▼ 8.7%

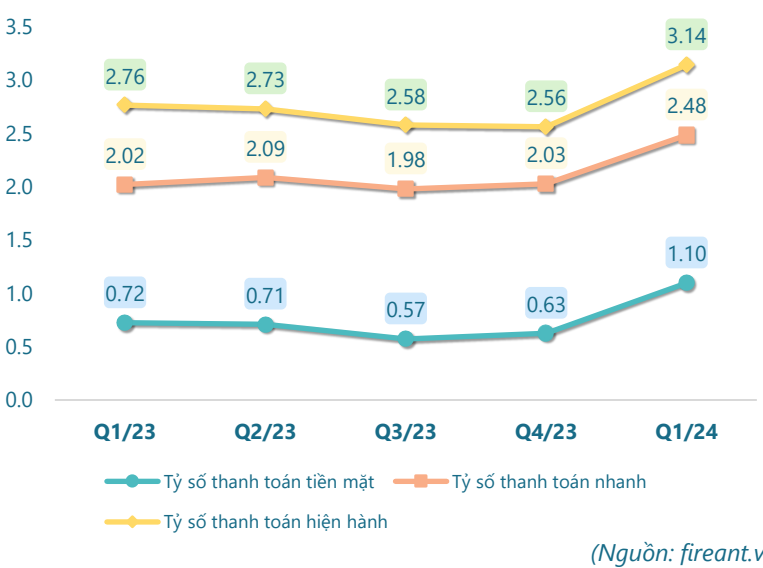




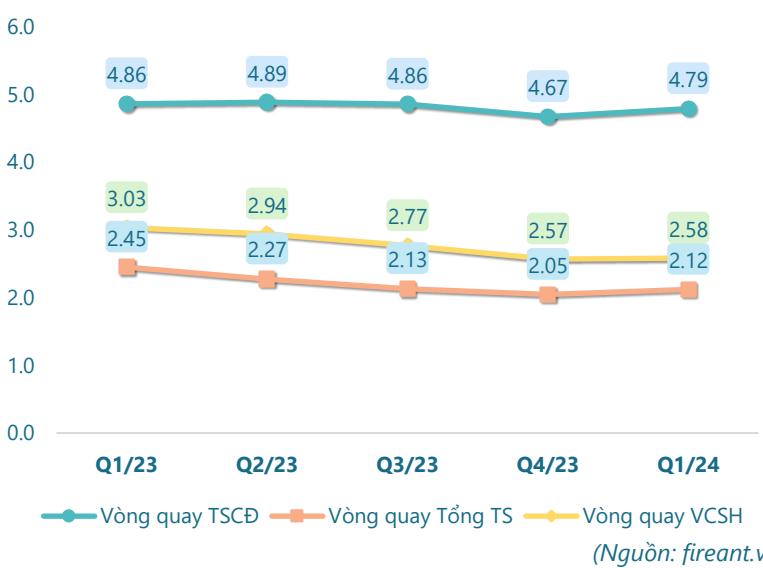
Tỷ suất lợi nhuận



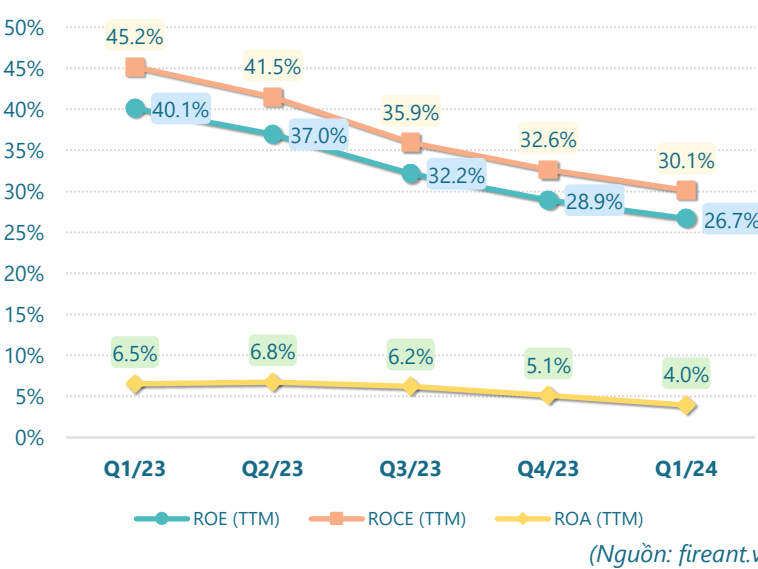
Chỉ số thanh khoản



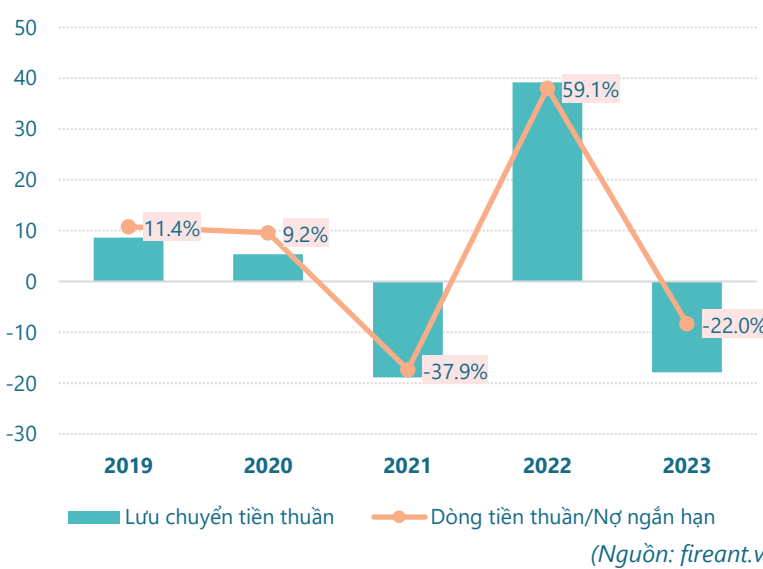
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

